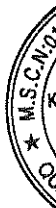


**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH
ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 45

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 từ trang 06 đến trang 45 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Ngọc Thạch	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 20/04/2017)
Ông Mai Hiếu Thảo	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 20/04/2017)
Ông Đặng Nguyễn Ngọc Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 20/04/2017)
Bà Trương Ngô Sen	Thành viên (bổ nhiệm ngày 20/04/2017)
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên (bổ nhiệm ngày 20/04/2017)
Ông Nguyễn An Trường	Thành viên (miễn nhiệm ngày 20/04/2017)
Ông Nguyễn Công Hậu	Thành viên (miễn nhiệm ngày 20/04/2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Ngọc Thạch	Tổng Giám đốc (hết nhiệm kỳ ngày 20/04/2017)
Ông Nguyễn Thanh Quang	Phó Tổng Giám đốc phụ trách
Ông Đặng Nguyễn Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26/04/2017)
Ông Dương Thị Dạ Thảo	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26/04/2017)

Ban Kiểm soát

Bà Cao Thị Mai Quyên	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 20/04/2017)
Bà Vương Xuân Thị Liên	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 20/04/2017)
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 20/04/2017)
Bà Trương Ngô Sen	Thành viên (miễn nhiệm ngày 20/04/2017)
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày lập Báo cáo tài chính này là Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng Quản trị cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, quy định về quản trị Công ty tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về việc Quy định Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng có hiệu lực từ ngày 01/08/2017.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Trần Ngọc Thạch
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2017

Số: 92 /2017/UHYACA HCM - BCKTDL

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính kèm theo cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh, được lập ngày 11 tháng 08 năm 2017, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty được thực hiện soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty được thực hiện kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM.

Vấn đề khác không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.



Phan Thanh Điền
Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số: 1496-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA - CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2017	Tại 01/01/2017
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		329.690.483.362	215.786.711.713
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	52.270.847.132	83.330.053.333
Tiền	111		4.076.847.132	3.299.687.428
Các khoản tương đương tiền	112		48.194.000.000	80.030.365.905
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		240.304.414.763	100.044.101.679
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	39.865.435.550	63.325.244.448
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	165.462.488.818	20.355.990.884
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	25.000.000.000	7.981.202.508
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	11.529.577.831	9.934.751.275
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.553.087.436)	(1.553.087.436)
Hàng tồn kho	140	11	37.108.747.316	31.935.855.301
Hàng tồn kho	141		37.108.747.316	31.935.855.301
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.474.151	476.701.400
Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.474.151	476.701.400
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		115.608.663.759	171.160.274.893
Các khoản phải thu dài hạn	210		648.212.194	70.229.007.144
Phải thu dài hạn khác	216	7	648.212.194	70.229.007.144
Tài sản cố định	220		7.842.270.157	8.639.609.281
Tài sản cố định hữu hình	221	12	7.826.714.596	8.618.220.388
- Nguyên giá	222		16.758.416.505	16.758.416.505
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.931.701.909)	(8.140.196.117)
Tài sản cố định vô hình	227	13	15.555.561	21.388.893
- Nguyên giá	228		148.400.000	148.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(132.844.439)	(127.011.107)
Tài sản dở dang dài hạn	240	14	24.092.352.858	10.927.450.228
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		24.092.352.858	10.927.450.228
Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	82.842.887.037	81.150.810.412
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.500.000.000	4.500.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		79.294.309.412	76.650.810.412
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(951.422.375)	-
Tài sản dài hạn khác	260		182.941.513	213.397.828
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	182.941.513	213.397.828
TỔNG TÀI SẢN	270		445.299.147.121	386.946.986.606

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2017	Tại 01/01/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		224.893.210.495	150.507.748.573
Nợ ngắn hạn	310		148.412.572.571	149.757.748.573
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	87.085.607.924	108.700.986.681
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		21.960.381.880	15.250.155.954
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	1.013.428.161	4.349.047.408
Phải trả người lao động	314		2.097.582	638.628.864
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	6.272.448.106	6.924.085.035
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		234.323.868	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	26.260.856.958	9.384.086.846
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	3.638.000.000	3.250.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.945.428.092	1.260.757.785
Nợ dài hạn	330		76.480.637.924	750.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	20	72.102.828.455	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	4.377.809.469	750.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		220.405.936.626	236.439.238.033
Vốn chủ sở hữu	410	22	220.405.936.626	236.439.238.033
Vốn góp của chủ sở hữu	411		236.081.650.000	236.081.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		236.081.650.000	236.081.650.000
Cổ phiếu quỹ	415		(21.990.800.000)	(21.990.800.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.803.514.172	1.803.514.172
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.511.572.454	20.544.873.861
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		203.978.290	923.242.461
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.307.594.164	19.621.631.400
TỔNG NGUỒN VỐN	440		445.299.147.121	386.946.986.606

Người lập biểu



Đặng Thị Thu Nga

TP. HCM, ngày 11 tháng 08 năm 2017
 Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Mỹ Duyên

Trần Ngọc Thạch

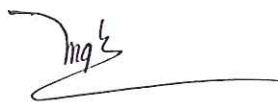


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	100.783.213.270	71.547.869.319
Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		100.783.213.270	71.547.869.319
Giá vốn hàng bán		11 24	91.833.620.357	66.554.151.685
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.949.592.913	4.993.717.634
Doanh thu hoạt động tài chính		21 25	2.507.534.319	1.348.428.049
Chi phí tài chính		22 26	1.576.184.398	531.293.141
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	-	102.715.139
Chi phí bán hàng		25 27	1.261.411.324	1.164.666.552
Chi phí quản lý doanh nghiệp		26 27	3.158.784.967	2.332.403.130
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.460.746.543	2.313.782.860
Thu nhập khác		31	1	73.123.740
Chi phí khác		32	44.753.839	497.456.669
Lợi nhuận khác	40		(44.753.838)	(424.332.929)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.415.992.705	1.889.449.931
Chi phí thuế TNDN hiện hành		51 28	1.108.398.541	409.202.056
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		52	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.307.594.164	1.480.247.875
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		70 29	201	63
Lãi suy giảm trên cổ phiếu		71 30	201	63

Người lập biểu



Đặng Thị Thu Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Mỹ Duyên

TP. HCM, ngày 11 tháng 08 năm 2017

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Ngọc Thạch

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		138.915.104.551	195.246.505.207
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02		(119.412.185.465)	(111.271.811.675)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.907.957.235)	(4.927.433.828)
Tiền lãi vay đã trả	04		-	(102.715.139)
Thuế TNDN đã nộp	05		(4.490.322.158)	(5.190.632.254)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		-	597.456.988
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9.408.832.744)	(9.598.322.838)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.304.193.051)	64.753.046.461
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(13.164.902.630)	(573.481.427)
Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(17.018.797.492)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.643.499.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26		-	370.392.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.072.955.035	1.831.323.115
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30.754.244.087)	1.628.233.688
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		20.565.809.469	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(16.550.000.000)	(1.300.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.016.578.532)	(772.709.188)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.999.230.937	(2.072.709.188)

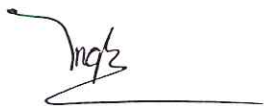
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(31.059.206.201)	64.308.570.961
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	83.330.053.333	43.518.669.671
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		-	2.308
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	<u>52.270.847.132</u>	<u>107.827.242.940</u>

Người lập biểu



Đặng Thị Thu Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Mỹ Duyên

TP. HCM, ngày 11 tháng 08 năm 2017

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Ngọc Thạch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305173790 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/09/2007 và đăng ký thay đổi lần 15 ngày 15/05/2017.

Trụ sở giao dịch: 233/34 Đường Trục, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 236.081.650.000 đồng.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, thương mại.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động chủ yếu của Công ty là buôn bán, tư vấn, lắp đặt vật tư trang thiết bị điện. Theo đó:

- Hoạt động buôn bán có chu kỳ kinh doanh trong ngắn ngày và quay vòng thường xuyên liên tục.
- Hoạt động tư vấn, lắp đặt thông thường có chu kỳ kinh doanh trong dài ngày hoặc qua nhiều kỳ kinh doanh.

1.4 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động chủ yếu của Công ty là buôn bán, tư vấn, lắp đặt vật tư trang thiết bị điện. Lượng hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu khối lượng hoàn thành công trình sẽ ảnh hưởng đáng kể đến doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty không có Công ty con, có Công ty liên doanh, liên kết:

Công ty CP BaAn-Tradincorp có hoạt động chính là xây dựng công trình công ích, bán buôn vật liệu ngành nhựa, sản xuất sản phẩm plastic. Tỷ lệ quyền biểu quyết là 30%.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỶ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/T-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại (dưới 12 tháng hay từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo) để trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán đánh giá khả năng thu hồi để ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư góp vốn với mục đích nắm giữ lâu dài. Giá phí các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ vào Báo cáo tài chính của bên được đầu tư để xác định giá trị bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý.

Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây.lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

4.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như phí bảo hiểm vật chất năm đầu tiên cho tài sản, phí sử dụng đường bộ, phí đăng kiểm, lệ phí trước bạ,...

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải truyền dẫn	8 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 6
Phần mềm kế toán	3

4.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ bản (“XDCB”) là toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng, mua sắm lắp đặt thiết bị cho dự án, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí đầu tư XDCB được xác định trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành. Chi phí đầu tư XDCB bao gồm: Chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác...

Chi phí XDCB được mở chi tiết theo từng công trình, hạng mục mua sắm và được hạch toán chi tiết từng nội dung chi phí đầu tư XDCB và được theo dõi lũy kế kể từ khi bắt đầu dự án đến khi công trình, hạng mục đầu tư hoàn thành bàn giao, sẵn sàng đưa vào sử dụng.

4.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, các chi phí trả trước dài hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ 24 tháng đến 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.9 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

4.10 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.11 NGOẠI TỆ

Công ty áp dụng Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính quy định chung về tỷ giá hối đoái và chênh lệch tỷ giá hối đoái, hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Theo quy định tại thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào và bán ra chuyển khoản của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính hoặc tỷ giá của Ngân hàng nơi doanh nghiệp giao dịch thường xuyên nhất

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11 NGOẠI TỆ (TIẾP)

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

4.12 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.13 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: Hoạt động thương mại, hoạt động tư vấn, hoạt động xây lắp, hoạt động khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

4.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, bên liên quan của Công ty là Công ty Cổ phần Ba An, Nhóm các Công ty, Chi nhánh có liên quan đến Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	747.540.834	1.606.025.504
Tiền gửi ngân hàng	3.329.306.298	1.693.661.924
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	48.194.000.000	80.030.365.905
Cộng	52.270.847.132	83.330.053.333

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 30/06/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	39.865.435.550	(1.140.117.096)	63.325.244.448	(1.140.117.096)
- Công ty TNHH SX Tủ bù bằng điện Hải Nam	-	-	4.970.145.219	-
- CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Cty Điện lực Sài Gòn	1.419.600.345	-	10.767.963.238	-
- Công ty CP Ba An	5.604.014.660	-	14.096.791.910	-
- Tổng Công Ty Điện Lực Hà Nội	5.588.210.399	-	-	-
- CN Tổng Công ty ĐL Tp.HCM TNHH - Ban Quản Lý DA Lưới Điện Phân Phối TPHCM	5.038.205.904	-	-	-
- Khách hàng khác	22.215.404.242	(1.140.117.096)	33.490.344.081	(1.140.117.096)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	19.398.409.882	(160.773.338)	31.674.941.556	(160.773.338)
- Nhóm các Công ty, Chi nhánh có liên quan đến Tổng Công ty Điện lực TPHCM TNHH	13.633.621.884	-	17.417.376.308	-
- Công ty CP Ba An	5.604.014.660	-	14.096.791.910	-
- Công ty Cổ Phần TST Engineering Việt Nam	160.773.338	(160.773.338)	160.773.338	(160.773.338)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
233/34 Đường Trục, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. PHẢI THU KHÁC

	Tại 30/06/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	11.529.577.831	(412.970.340)	9.934.751.275	(412.970.340)
- Ký quỹ mở LC	64.249	-	64.249	-
- Lãi dự thu	371.367.173	-	-	-
- Tạm ứng	760.000.000	-	-	-
- Công ty CP Thiết bị Điện VI-NA-SI-NO	1.871.100.000	-	1.871.100.000	-
- Công ty TNHH Duyên Hà	716.925.876	-	716.925.876	-
- Kho bạc Nhà nước	518.717.482	-	174.324.159	-
- Công ty TNHH Nam Long	412.970.340	(412.970.340)	412.970.340	(412.970.340)
- Công ty TNHH TM DV PTN	1.179.061.489	-	1.179.061.489	-
- Công ty CP TST Engineering	4.168.415.923	-	4.168.415.923	-
- Công ty Vạn Phước	668.181.818	-	668.181.818	-
- Công ty TNHH TV Thiết kế XD TM Gia Khánh	364.131.899	-	364.131.899	-
- Công ty CP TV XD Điện lực TP.HCM	130.282.000	-	130.282.000	-
- Các đối tượng khác	368.359.582	-	249.293.522	-
Dài hạn	648.212.194	-	70.229.007.144	-
- Ký cược, ký quỹ	648.212.194	-	648.212.194	-
- Phải thu vốn ngân sách	-	-	69.580.794.950	-
Cộng	12.177.790.025	(412.970.340)	80.163.758.419	(412.970.340)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 30/06/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	165.462.488.818	20.355.990.884
- Công ty TNHH MTV TM DV Kỹ thuật An Pha	5.892.326.463	6.000.000.000
- Công ty CP Thiết bị Điện Nam Đô	5.189.579.653	2.108.951.739
- Siemens Limited Company	-	7.613.740.267
- Công ty TNHH Thiết bị Lưới điện Toàn Cầu	4.380.929.415	-
- Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Huyện Nhà Bè	142.000.000.000	-
- Nhà cung cấp khác	7.999.653.287	4.633.298.878
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Trả trước cho người bán là bên liên qu:	-	-
Cộng	165.462.488.818	20.355.990.884

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Tại 30/06/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Ngắn hạn	25.000.000.000	7.981.202.508
Công ty CP Điện Cơ (*)	20.000.000.000	7.981.202.508
Công ty CP TV XD Điện lực TP. HCM (**)	5.000.000.000	-
Dài hạn	-	-
Cộng	25.000.000.000	7.981.202.508

(*) Đây là khoản cho Công ty CP Điện Cơ vay kỳ hạn dưới 12 tháng theo hợp đồng vay vốn số 493/HĐVV/ĐC-Tradincorp ngày 29/09/2016. Lãi suất cho vay cố định là 7%/năm.

(**) Đây là khoản cho Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện lực TP. HCM vay kỳ hạn 12 tháng theo hợp đồng cho vay vốn số 1201/HĐVV/TV-Tradincorp ngày 12/01/2017. Lãi suất cho vay cố định là 8,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
233/34 Đường Trục, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. NỢ XẤU

	Tại 30/06/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	1.553.087.436	-	1.553.087.436	-
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi; Công ty TNHH Nam Long	412.970.340	-	412.970.340	-
Công ty CP Xây lắp Toàn Trung	134.264.750	-	134.264.750	-
Công ty CP Xây dựng Hoàng Long	495.079.008	-	495.079.008	-
Công ty CP Địa ốc Bình Tân	350.000.000	-	350.000.000	-
Công ty CP TST Engineering	160.773.338	-	160.773.338	-

- Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm... phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu;
- Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn.

11. HÀNG TỒN KHO

	Tại 30/06/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	337.271.179	-	207.332.179	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	30.130.969.676	-	21.730.908.080	-
Hàng hóa	6.640.506.461	-	9.997.615.042	-
Cộng	37.108.747.316	-	31.935.855.301	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2017	16.405.255.378	353.161.127	16.758.416.505
Tại 30/06/2017	16.405.255.378	353.161.127	16.758.416.505
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2017	7.799.124.340	341.071.777	8.140.196.117
Khấu hao trong kỳ	781.143.492	10.362.300	791.505.792
Tại 30/06/2017	8.580.267.832	351.434.077	8.931.701.909
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2017	8.606.131.038	12.089.350	8.618.220.388
Tại 30/06/2017	7.824.987.546	1.727.050	7.826.714.596

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 là 1.342.778.541 đồng.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2017	148.400.000	148.400.000
Tại 30/06/2017	148.400.000	148.400.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Tại 01/01/2017	127.011.107	127.011.107
Khấu hao trong kỳ	5.833.332	5.833.332
Tại 30/06/2017	132.844.439	132.844.439
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2017	21.388.893	21.388.893
Tại 30/06/2017	15.555.561	15.555.561

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 là 113.400.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Tại 30/06/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Chi phí XDCB dở dang	24.092.352.858	10.927.450.228
- Dự án Tân Túc	859.669.331	859.669.331
- Dự án Nơ Trang Long	3.045.452.686	2.486.910.436
- Dự án Lương Định Của	8.529.230.841	7.580.870.461
- Dự án CT 432/10 KP1 đường số 85, Phường Tân Quy Quận 7, TPHCM	11.658.000.000	-
Cộng	24.092.352.858	10.927.450.228

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 30/06/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	182.941.513	213.397.828
- Chi phí công cụ dụng cụ	182.941.513	213.397.828
Cộng	182.941.513	213.397.828

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
233/34 Đường Trục, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại 30/06/2017 (VND)		Tại 01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty CP BaAn - Tradincorp	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000
- Đầu tư vào đơn vị khác	79.294.309.412	78.342.887.037	76.650.810.412	76.650.810.412
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện lực VN	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty CP Nhiệt Điện Quảng Ninh	3.324.000.000	2.372.577.625	3.324.000.000	3.324.000.000
Công ty TNHH Công nghệ môi Việt Nga	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Công ty CP Thiết bị điện VI-NA-SI-NO	6.930.000.000	6.930.000.000	6.930.000.000	6.930.000.000
Công ty CP Điện Cơ	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP ĐT XD TM Vạn Phước	31.122.853.312	31.122.853.312	28.479.354.312	28.479.354.312
Công ty CP TV XD Điện lực TP. HCM	592.603.100	592.603.100	592.603.100	592.603.100
Dự án điện gió TCT CN Sài Gòn TNHH MTV	29.624.853.000	29.624.853.000	29.624.853.000	29.624.853.000
Cộng	83.794.309.412	82.842.887.037	81.150.810.412	81.150.810.412
		(951.422.375)		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
233/34 Đường Trục, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 30/06/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	87.085.607.924	87.085.607.924	108.700.986.681	108.700.986.681
- Công ty CP Xây lắp Điện 1	22.473.183.870	22.473.183.870	22.473.183.870	22.473.183.870
- Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2	18.550.184.831	18.550.184.831	18.550.184.831	18.550.184.831
- GS Engineering & Construction Corp	34.172.540.688	34.172.540.688	34.172.540.688	34.172.540.688
- Nhà cung cấp khác	11.889.698.535	11.889.698.535	33.505.077.292	33.505.077.292
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	5.135.534.228	5.135.534.228	4.359.028.598	4.359.028.598
- Công ty CP Điện Cơ	2.504.770.950	2.504.770.950	3.489.686.200	3.489.686.200
- Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm Viễn Đông	13.938.017	13.938.017	-	-
- Công ty CP BaAn - Tradincorp	614.396.475	614.396.475	840.730.770	840.730.770
- Nhóm các Công ty, Chi nhánh có liên quan đến Tổng Công ty Điện lực TPHCM TNHH	2.002.428.786	2.002.428.786	28.611.628	28.611.628

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2017		Số đã thực nộp trong năm		Số phải nộp trong năm		Tại 30/06/2017	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế GTGT	-	-	950.317.480	950.317.480	-	-	-	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	4.322.953.290	4.322.953.290	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	2.949.658	2.949.658	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.305.127.445	4.305.127.445	1.108.398.541	4.490.322.158	4.490.322.158	923.203.828	923.203.828	
- Thuế thu nhập cá nhân	43.919.963	43.919.963	405.249.831	358.945.461	358.945.461	90.224.333	90.224.333	
- Các loại thuế khác	-	-	139.645.661	139.645.661	139.645.661	-	-	
Cộng	4.349.047.408	4.349.047.408	6.929.514.461	10.265.133.708	10.265.133.708	1.013.428.161	1.013.428.161	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Tại 30/06/2017</u>	<u>Tại 01/01/2017</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	6.272.448.106	6.924.085.035
- Chi phí công trình	6.272.448.106	6.924.085.035
Dài hạn	-	-
Cộng	<u>6.272.448.106</u>	<u>6.924.085.035</u>

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Tại 30/06/2017</u>	<u>Tại 01/01/2017</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	26.260.856.958	9.384.086.846
- Bảo hiểm xã hội	121.150.755	3.382.896
- Bảo hiểm y tế	20.753.110	370.214
- Bảo hiểm thất nghiệp	7.093.133	-
- Cổ tức phải trả năm 2008 - 2016	25.497.235.367	8.537.990.478
- Phải trả tiền thu hộ CNV	5.924.467	11.924.467
- Phải trả đội thi công	489.787.160	625.707.218
- Đối tượng khác	118.912.966	204.711.573
Dài hạn	72.102.828.455	-
- Phải trả vốn ngân sách	72.102.828.455	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	<u>98.363.685.413</u>	<u>9.384.086.846</u>

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
233/34 Đường Trục, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại 30/06/2017		Trong năm		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)
a) Vay, nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.638.000.000	3.638.000.000	16.938.000.000	16.550.000.000	3.250.000.000	3.250.000.000
- Nợ đến hạn trả Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN 4 (*)	2.450.000.000	2.450.000.000	750.000.000	1.550.000.000	3.250.000.000	3.250.000.000
- Nợ đến hạn trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**)	1.188.000.000	1.188.000.000	1.188.000.000	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Nam Đô	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP An Bình	-	-	12.500.000.000	12.500.000.000	-	-
b) Vay, nợ thuê tài chính dài hạn	4.377.809.469	4.377.809.469	5.565.809.469	1.938.000.000	750.000.000	750.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN 4 (*)	-	-	-	750.000.000	750.000.000	750.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**)	4.377.809.469	4.377.809.469	5.565.809.469	1.188.000.000	-	-
c) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan	-	-	-	-	-	-

(*) Theo hợp đồng tín dụng số 11.033.004/HĐTĐ ngày 18/05/2011 và số 11.033.005/HĐTĐ ngày 02/06/2011. Mục đích vay để lắp đặt công trình ngầm hóa đường Trần Hưng Đạo. Lãi suất cho vay là 12%/năm, ngày đáo hạn 18/01/2018. Hình thức đảm bảo tiền vay bằng tín chấp và tài khoản tiền gửi tiết kiệm trị giá 500 triệu đồng.

(**) Theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/6752458/HĐTĐ ngày 25/11/2015 và phụ lục hợp đồng ngày 25/10/2016. Số tiền vay tối đa là 42.553 triệu đồng. Mục đích vay là thanh toán các chi phí dự án ngầm hóa lưới điện, cấp viễn thông tại dự án đầu tư “Xây dựng mới đường và ống phục vụ ngầm hóa trên tuyến đường Nơ Trang Long” và “Xây dựng hệ thống đường ngầm hóa lưới điện và cáp viễn thông trong dự án nâng cấp tuyến đường Lương Định Của Quận 2”. Lãi suất tại thời điểm giải ngân. Thời gian vay là 84 tháng kể từ lúc rút vốn lần đầu cho dự án. Thế chấp các quyền và lợi ích thu được từ kinh doanh, khai thác 2 dự án.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
233/34 Đường Trục, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2016	236.081.650.000	(1.990.800.000)	1.803.514.172	19.650.510.461	255.544.874.633
- Lợi nhuận năm	-	-	-	20.340.895.571	20.340.895.571
- Mua cổ phiếu quỹ	-	(20.000.000.000)	-	-	(20.000.000.000)
- Tạm trích quỹ KT, PL năm 2016	-	-	-	(719.264.171)	(719.264.171)
- Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	(18.727.268.000)	(18.727.268.000)
Tại 31/12/2016	236.081.650.000	(21.990.800.000)	1.803.514.172	20.544.873.861	236.439.238.033
Tại 01/01/2017	236.081.650.000	(21.990.800.000)	1.803.514.172	20.544.873.861	236.439.238.033
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	4.307.594.164	4.307.594.164
- Trích quỹ KT, PL năm 2016	-	-	-	(2.357.264.171)	(2.357.264.171)
- Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	(17.983.631.400)	(17.983.631.400)
Tại 30/06/2017	236.081.650.000	(21.990.800.000)	1.803.514.172	4.511.572.454	220.405.936.626

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

22.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tại 30/06/2017		Tại 01/01/2017	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH	29,7%	70.000.000.000	29,7%	70.000.000.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	8,6%	20.250.000.000	8,6%	20.250.000.000
Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn	3,2%	7.650.000.000	3,2%	7.650.000.000
Công ty CP DV Tổng hợp Sài Gòn	5,7%	13.500.000.000	5,7%	13.500.000.000
Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông	4,4%	10.350.000.000	4,4%	10.350.000.000
Công ty CP Siêu Thanh	1,9%	4.500.000.000	1,9%	4.500.000.000
Cổ đông khác	46,5%	109.831.650.000	46,5%	109.831.650.000
Cổ phiếu quỹ		(21.990.800.000)		(21.990.800.000)
Cộng	100%	236.081.650.000	100%	236.081.650.000

22.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	236.081.650.000	236.081.650.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	236.081.650.000	236.081.650.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(17.983.631.400)	-

22.4 CỔ TỨC

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:	17.983.631.400	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:	17.983.631.400	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

22.5 CỔ PHIẾU

	Tại 30/06/2017	Tại 01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	45.000.000	45.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	23.608.165	23.608.165
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	23.608.165	23.608.165
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2.199.080)	(2.199.080)
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	(2.199.080)	(2.199.080)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.409.085	21.409.085
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	21.409.085	21.409.085
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

22.6 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

	Tại 30/06/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.803.514.172	1.803.514.172
Cộng	1.803.514.172	1.803.514.172

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
	đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
	VND	VND
Doanh thu thương mại	89.547.223.376	65.104.545.800
Doanh thu dịch vụ tư vấn	1.050.444.373	1.251.798.652
Doanh thu dịch vụ xây lắp	7.402.559.875	4.551.891.998
Doanh thu khác	2.782.985.646	639.632.869
Cộng	100.783.213.270	71.547.869.319

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
	đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
	VND	VND
Giá vốn thương mại	81.434.862.418	56.752.676.151
Giá vốn dịch vụ tư vấn	833.515.856	2.625.964.148
Giá vốn dịch vụ xây lắp	7.212.200.338	5.883.591.741
Giá vốn khác	2.353.041.745	1.291.919.645
Cộng	91.833.620.357	66.554.151.685

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.444.322.208	1.332.046.350
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	63.212.111	16.131.958
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ	-	249.741
Cộng	2.507.534.319	1.348.428.049

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	102.715.139
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	951.422.375	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	624.762.023	428.558.888
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ	-	19.114
Cộng	1.576.184.398	531.293.141

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí bán hàng	1.261.411.324	1.164.666.552
- Chi phí nhân viên bán hàng	1.261.411.324	1.164.666.552
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.158.784.967	2.332.403.130
- Chi phí nhân viên quản lý	1.612.913.120	1.077.868.683
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	110.717.940	167.439.417
- Thuế phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí bằng tiền khác	1.432.153.907	1.084.095.030
Cộng	3.158.784.967	2.332.403.130

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.415.992.705	1.889.449.931
Các khoản chi phí không được khấu trừ	126.000.000	67.884.947
- Chi phí khác	7.500.000	1.884.947
- Thù lao HĐQT, BKS	118.500.000	66.000.000
Lợi nhuận chịu thuế TNDN	5.541.992.705	1.957.334.878
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	1.108.398.541	391.466.976
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	17.735.080
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.108.398.541	409.202.056

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	4.307.594.164	1.480.247.875
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	21.409.085	23.409.085
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) (*)	201	63

(*) Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong kỳ.

30. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	4.307.594.164	1.480.247.875
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	21.409.085	23.409.085
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (CP)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP) (*)	201	63

(*) Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.898.416.049	1.335.634.081
Chi phí nhân công	8.871.569.202	4.437.486.099
Chi phí khấu hao tài sản cố định	797.339.124	826.905.111
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.958.678.346	14.598.152.069
Chi phí khác bằng tiền khác	3.445.448.381	1.084.095.030
Cộng	39.971.451.102	22.282.272.390

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	Giá trị ghi sổ	
	Tại 30/06/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.270.847.132	83.330.053.333
Phải thu khách hàng	39.865.435.550	63.325.244.448
Phải thu về cho vay	25.000.000.000	7.981.202.508
Các khoản phải thu khác	10.769.577.831	9.934.751.275
Cộng	127.905.860.513	164.571.251.564
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính	8.015.809.469	4.000.000.000
Phải trả người bán	87.085.607.924	108.700.986.681
Chi phí phải trả	6.272.448.106	6.924.085.035
Các khoản phải trả, phải nộp khác	98.208.763.948	9.368.409.269
Cộng	199.582.629.447	128.993.480.985

TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp 500.000.000 đồng tiền gửi kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương để đảm bảo cho khoản vay được thuyết minh tại mục 21 vào ngày 30/06/2017.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30/06/2017.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro tỷ giá do thiếu thị trường mua, bán các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Hội đồng Quản trị đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Hội đồng Quản trị tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Nợ phải trả tài chính	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2017				
Vay và nợ thuê tài chính	8.015.809.469	-	-	8.015.809.469
Phải trả người bán	87.085.607.924	-	-	87.085.607.924
Chi phí phải trả	6.272.448.106	-	-	6.272.448.106
Phải trả, phải nộp khác	26.105.935.493	72.102.828.455	-	98.208.763.948
Cộng	127.479.800.992	72.102.828.455	-	199.582.629.447
Tại 01/01/2017				
Vay và nợ thuê tài chính	3.250.000.000	750.000.000	-	4.000.000.000
Phải trả người bán	108.700.986.681	-	-	108.700.986.681
Chi phí phải trả	6.924.085.035	-	-	6.924.085.035
Phải trả, phải nộp khác	9.368.409.269	-	-	9.368.409.269
Cộng	128.243.480.985	750.000.000	-	128.993.480.985

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.270.847.132	-	-	52.270.847.132
Phải thu khách hàng	39.865.435.550	-	-	39.865.435.550
Phải thu về cho vay	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000
Các khoản phải thu khác	10.769.577.831	-	-	10.769.577.831
Cộng	127.905.860.513	-	-	127.905.860.513
Tại 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.330.053.333	-	-	83.330.053.333
Phải thu khách hàng	63.325.244.448	-	-	63.325.244.448
Phải thu về cho vay	7.981.202.508	-	-	7.981.202.508
Các khoản phải thu khác	9.934.751.275	-	-	9.934.751.275
Cộng	164.571.251.564	-	-	164.571.251.564

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Doanh thu thương mại		Doanh thu dịch vụ tư vấn		Doanh thu dịch vụ xây lắp		Doanh thu khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	89.547.223.376	1.050.444.373	7.402.559.875	2.782.985.646	100.783.213.270				
Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-				
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	89.547.223.376	1.050.444.373	7.402.559.875	2.782.985.646	100.783.213.270				
Giá vốn bộ phận	(81.434.862.418)	(833.515.856)	(7.212.200.338)	(2.353.041.745)	(91.833.620.357)				
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.112.360.958	216.928.517	190.359.537	429.943.901	8.949.592.913				
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(4.420.196.291)				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					4.529.396.622				
Doanh thu hoạt động tài chính					2.507.534.319				
Chi phí tài chính					(1.576.184.398)				
Thu nhập khác									1
Chi phí khác									(44.753.839)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành									(1.108.398.541)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp									4.307.594.164

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty (tiếp):

Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Doanh thu thương mại VND	Doanh thu dịch vụ tư vấn VND	Doanh thu dịch vụ xây lắp VND	Doanh thu khác VND	Cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	65.104.545.800	1.251.798.652	4.551.891.998	639.632.869	71.547.869.319
Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	65.104.545.800	1.251.798.652	4.551.891.998	639.632.869	71.547.869.319
Giá vốn bộ phận	(56.752.676.151)	(2.625.964.148)	(5.883.591.741)	(1.291.919.645)	(66.554.151.685)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.351.869.649	(1.374.165.496)	(1.331.699.743)	(652.286.776)	4.993.717.634
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(3.497.069.682)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					1.496.647.952
Doanh thu hoạt động tài chính					1.348.428.049
Chi phí tài chính					(531.293.141)
Thu nhập khác					73.123.740
Chi phí khác					(497.456.669)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(409.202.056)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					1.480.247.875

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. THÔNG TIN KHÁC

34.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giao dịch liên quan cung cấp hàng hóa, dịch vụ	101.851.681.048	3.455.685.972
- Ban Quản Lý Dự án Lưới Điện TP.HCM - Tổng Công ty Điện lực TPHCM TNHH	486.476.100	-
- CN Tổng Công Ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Tân Phú	280.362.500	2.045.978.036
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Tân Bình	3.459.690.821	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Thủ Đức	240.078.699	952.669.257
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công Ty CNTT ĐL TP HCM	28.619.791	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH- Công ty Điện Lực Củ Chi	957.447.623	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH- Công ty Điện Lực Gò Vấp	1.109.740.500	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH- Công ty Điện Lực Gia Định	1.343.540.000	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH- Công ty Điện lực Hóc Môn	1.287.116.532	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH- Công ty Điện Lực Phú Thọ	576.242.700	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH Công ty Điện Lực Sài Gòn	18.142.607.869	107.483.372
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH- Công ty Điện Lực Thủ Thiêm	161.087.492	293.366.455
- CN Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Chợ Lớn	123.885.753	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực An Phú Đông	120.268.391	56.188.852
- CN Tổng Công ty ĐL TP.HCM TNHH - Ban Quản Lý DA Lưới Điện Phân Phối TPHCM	5.107.958.522	-
- CN Tổng Cty ĐL TP.HCM TNHH - Cty LĐ Cao Thế TP HCM	777.004.355	-
- Tổng Công Ty Điện Lực TP.HCM TNHH	67.649.553.400	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

Từ 01/01/2017 Từ 01/01/2016
đến 30/06/2017 đến 30/06/2016

	VND	VND
Giao dịch liên quan đến mua hàng hóa, dịch vụ	2.713.143.972	9.340.991.990
- CN Tổng Công ty Điện Lực TPHCM TNHH- Công ty Điện Lực Gia Định	5.041.849	1.382.843.000
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH- Công ty Điện Lực Thủ Thiêm	-	2.089.395.000
- CN Tổng Công Ty Điện Lực TP.HCM TNHH- Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	1.914.990.000	-
- CN Tổng Công Ty Điện Lực TP.HCM TNHH- Công Ty Thí Nghiệm ĐL TpHCM	151.458.887	-
- CN Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH- Công ty Điện Lực Tân Thuận	26.617.397	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH- Công ty Điện Lực Phú Thọ	-	1.105.280.000
- CN Tổng Cty Điện Lực TP.HCM TNHH- Trung Tâm Điều Độ Hệ Thống Điện TpHCM	15.842.838	-
- Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm Viễn Đông	42.942.801	-
- Công Ty Cổ Phần Điện Cơ	556.250.200	-
- CN Tổng Cty ĐL TP.HCM TNHH - Cty LD Cao Thế TP HCM	-	4.763.473.990
Cho vay	12.018.797.492	-
- Công ty CP Điện Cơ	12.018.797.492	-

Số dư với các bên liên quan

Tại 30/06/2017 Tại 01/01/2017
VND VND

Phải thu về cho vay		
- Công ty CP Điện Cơ	20.000.000.000	7.981.202.508
Phải thu khác		
- Công ty CP Thiết bị Điện VI-NA-SI-NO	1.871.100.000	1.871.100.000
- Công ty CP TST Engineering	4.168.415.923	4.168.415.923

Thù lao, lương của Ban Quản lý

Từ 01/01/2017 Từ 01/01/2016
đến 30/06/2017 đến 30/06/2016

	VND	VND
- Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	118.500.000	66.000.000
- Lương của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	556.419.538	259.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
233/34 Đường Trục, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.1 NGHĨEP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan

Đối tượng	Tại 30/06/2017		Tại 01/01/2017	
	Phải thu của khách hàng	Người mua trả tiền trước	Phải thu của khách hàng	Người mua trả tiền trước
- Ban Quản Lý Dự án Lưới Điện TP.HCM - Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH	-	-	143.028.831	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Tân Phú	7.989.970	-	7.989.970	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Duyên Hải	46.313.144	-	46.313.144	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Tân Bình	1.674.477.345	328.410.273	839.369.778	362.410.273
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Thủ Đức	25.372.734	908.827.278	-	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Thủ Đức	14.216.146	-	14.216.146	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Thủ Đức	125.584.434	-	55.303.293	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Thủ Đức	849.700.500	-	-	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Thủ Đức	919.741.332	657.161.309	2.418.847.707	657.161.309
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Thủ Đức	882.085.792	-	441.407.972	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Thủ Đức	1.148.165.413	1.620.413.164	1.190.885.001	1.620.413.164
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Thủ Đức	1.419.600.345	86.493.000	10.767.963.238	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Thủ Đức	95.434.571	1.298.336.320	98.546.862	1.298.336.320
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Thủ Đức	181.980.885	-	581.878.736	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Thủ Đức	-	21.030.398	-	21.030.398
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Thủ Đức	22.106.352	1.000.000	10.079.513	1.000.000
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Thủ Đức	-	2.575.272.698	-	2.320.554.051
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Thủ Đức	5.038.205.904	1.244.728.000	-	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Thủ Đức	667.634.722	-	720.834.722	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Thủ Đức	515.012.295	-	80.711.395	-
- Công ty Cổ Phần Ba An	5.604.014.660	-	14.096.791.910	-
- Công ty Cổ Phần TST Engineering Việt Nam	160.773.338	-	160.773.338	-
- Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH	-	-	-	6.082.244.740
Cộng	19.398.409.882	8.741.672.440	31.674.941.556	12.363.150.255

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 233/34 Đường Trục, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Đối tượng	Tại 30/06/2017		Tại 01/01/2017	
	Trả trước người bán	Phải trả người bán	Trả trước người bán	Phải trả người bán
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH- Công ty Điện Lực Gia Định	-	-	-	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH Công ty Điện Lực Sài Gòn	37.104.635	-	-	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH- Công ty Điện Lực Thủ Thiêm	8.735.417	-	8.735.417	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH- Công ty Thị Nghiệm Điện Miền Nam	-	1.914.990.000	-	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH- Công ty Thị Nghiệm ĐL TP.HCM	-	66.713.920	-	-
- CN Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH- Công ty Điện Lực Tân Thuận	-	20.724.866	-	28.611.628
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH-TT Điều Độ Hệ Thống Điện TP.HCM	-	-	-	-
- Công ty CP Ba An - Tradincorp	-	614.396.475	-	840.730.770
- Công ty Cổ Phần Bảo Hiểm Viễn Đông	-	13.938.017	-	-
- Công ty Cổ Phần Điện Cơ	-	2.504.770.950	-	3.489.686.200
Cộng	45.840.052	5.135.534.228	8.735.417	4.359.028.598

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

34.3 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

34.4 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

35. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU ĐẦU NĂM

Một số chỉ tiêu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán đã được phân loại lại theo quy định của Thông tư 200.

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 31/12/2016 theo BCTC được kiểm toán	Tại ngày 01/01/2017 đã điều chỉnh, phân loại lại
Bảng Cân đối kế toán			
Đầu từ nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7.981.202.508	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	7.981.202.508

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM. Số liệu này đã được điều chỉnh phân loại lại như được nêu tại mục 35 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM.

Người lập biểu

Đặng Thị Thu Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mỹ Duyên

TP.HCM, ngày 11 tháng 08 năm 2017

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Ngọc Thạch